

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập Học kỳ I năm học 2023-2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/NĐ-CP của Chính phủ ngày 4 tháng 4 năm 1994 về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 919/QĐ-ĐHYD ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ kết luận của Hội đồng xét, cấp học bổng khuyến khích học tập của Trường Đại học Y - Dược ngày 13 tháng 12 năm 2023;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác HSSV,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2023-2024 cho 380 sinh viên hệ chính quy với tổng số tiền là: **3.024.450.000** đồng.

(Ba tỷ không trăm hai mươi tư triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 2. Thời gian hưởng: 05 tháng (từ tháng 10/2023 đến hết tháng 02/2024).

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác HSSV, phòng Đào tạo, phòng Kế hoạch - Tài chính và các sinh viên có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thi hành);
- Lưu: VT, CTHSSV.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Kiều Giang

**BẢNG TỔNG HỢP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2023-2024**

Kèm theo quyết định số: 3408 /QĐ - ĐHYD ngày 20 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Tên lớp	Số lượng sinh viên hưởng học bổng khuyến khích học tập						Tổng số tiền/ tháng	Số tháng	Tổng số tiền/ học kỳ
		Loại Xuất sắc 1.716.000đ/tháng		Loại Giỏi 1.573.000đ/tháng		Loại Khá 1.430.000đ/tháng				
		Số SV	Thành tiền	Số SV	Thành tiền	Số SV	Thành tiền			
1	K51A		-	2	3.146.000		-	3.146.000	5	15.730.000
2	K51B		-	4	6.292.000		-	6.292.000	5	31.460.000
3	K51C		-	3	4.719.000		-	4.719.000	5	23.595.000
4	K51D		-	3	4.719.000		-	4.719.000	5	23.595.000
5	K51E		-	10	15.730.000		-	15.730.000	5	78.650.000
6	CTY50 B	1	1.716.000	3	4.719.000		-	6.435.000	5	32.175.000
7	K52A		-	1	1.573.000		-	1.573.000	5	7.865.000
8	K52B	2	3.432.000	1	1.573.000		-	5.005.000	5	25.025.000
9	K52C	1	1.716.000	2	3.146.000		-	4.862.000	5	24.310.000
10	K52D	1	1.716.000	4	6.292.000		-	8.008.000	5	40.040.000
11	K52E	1	1.716.000	6	9.438.000		-	11.154.000	5	55.770.000
12	K52H	5	8.580.000	1	1.573.000		-	10.153.000	5	50.765.000
13	K52I	1	1.716.000	2	3.146.000		-	4.862.000	5	24.310.000
14	K53A		-	2	3.146.000		-	3.146.000	5	15.730.000
15	K53B		-	5	7.865.000		-	7.865.000	5	39.325.000
16	K53C		-	4	6.292.000		-	6.292.000	5	31.460.000
17	K53D		-	10	15.730.000		-	15.730.000	5	78.650.000
18	K53E	2	3.432.000	8	12.584.000		-	16.016.000	5	80.080.000
19	K53G		-	2	3.146.000		-	3.146.000	5	15.730.000
20	K53H		-	4	6.292.000		-	6.292.000	5	31.460.000
21	K53I		-	2	3.146.000		-	3.146.000	5	15.730.000
22	K53K		-	3	4.719.000		-	4.719.000	5	23.595.000

STT	Tên lớp	Số lượng sinh viên hưởng học bổng khuyến khích học tập						Tổng số tiền/ tháng	Số tháng	Tổng số tiền/ học kỳ
		Loại Xuất sắc 1.716.000đ/tháng		Loại Giỏi 1.573.000đ/tháng		Loại Khá 1.430.000đ/tháng				
		Số SV	Thành tiền	Số SV	Thành tiền	Số SV	Thành tiền			
23	CTY52A		-	4	6.292.000		-	6.292.000	5	31.460.000
24	CTY52B		-	1	1.573.000		-	1.573.000	5	7.865.000
25	K54A		-	2	3.146.000		-	3.146.000	5	15.730.000
26	K54B	3	5.148.000	4	6.292.000		-	11.440.000	5	57.200.000
27	K54C	1	1.716.000	7	11.011.000		-	12.727.000	5	63.635.000
28	K54D	4	6.864.000		-		-	6.864.000	5	34.320.000
29	K54E	1	1.716.000	4	6.292.000		-	8.008.000	5	40.040.000
30	K54G	1	1.716.000	2	3.146.000		-	4.862.000	5	24.310.000
31	K54H	3	5.148.000	5	7.865.000		-	13.013.000	5	65.065.000
32	K54I	1	1.716.000		-		-	1.716.000	5	8.580.000
33	K54K	1	1.716.000	5	7.865.000		-	9.581.000	5	47.905.000
34	K54L	2	3.432.000	2	3.146.000		-	6.578.000	5	32.890.000
35	K54M	2	3.432.000	1	1.573.000		-	5.005.000	5	25.025.000
36	K54N	1	1.716.000	1	1.573.000		-	3.289.000	5	16.445.000
37	LTYK.K53B		-	5	7.865.000	7	10.010.000	17.875.000	5	89.375.000
38	LTYK.K53C		-		-	1	1.430.000	1.430.000	5	7.150.000
39	LTYK.K53D		-	2	3.146.000		-	3.146.000	5	15.730.000
40	K55A	1	1.716.000	2	3.146.000		-	4.862.000	5	24.310.000
41	K55B	4	6.864.000	2	3.146.000		-	10.010.000	5	50.050.000
42	K55C	1	1.716.000	3	4.719.000		-	6.435.000	5	32.175.000
43	K55D		-	1	1.573.000		-	1.573.000	5	7.865.000
44	K55E	1	1.716.000	1	1.573.000		-	3.289.000	5	16.445.000
45	K55G	3	5.148.000	5	7.865.000		-	13.013.000	5	65.065.000
46	K55H	2	3.432.000	2	3.146.000		-	6.578.000	5	32.890.000
47	K55I	1	1.716.000	3	4.719.000		-	6.435.000	5	32.175.000
48	K55K	2	3.432.000	5	7.865.000		-	11.297.000	5	56.485.000
49	K55L	1	1.716.000	2	3.146.000		-	4.862.000	5	24.310.000
50	LTYK K54A	6	10.296.000		-		-	10.296.000	5	51.480.000
51	LTYK K54B	2	3.432.000		-		-	3.432.000	5	17.160.000

STT	Tên lớp	Số lượng sinh viên hưởng học bổng khuyến khích học tập						Tổng số tiền/ tháng	Số tháng	Tổng số tiền/ học kỳ
		Loại Xuất sắc 1.716.000đ/tháng		Loại Giỏi 1.573.000đ/tháng		Loại Khá 1.430.000đ/tháng				
		Số SV	Thành tiền	Số SV	Thành tiền	Số SV	Thành tiền			
52	LTYK K54C		-	1	1.573.000		-	1.573.000	5	7.865.000
53	BSRHM - K11	1	1.716.000	1	1.573.000		-	3.289.000	5	16.445.000
54	BSRHM - K12	1	1.716.000	1	1.573.000		-	3.289.000	5	16.445.000
55	BSRHM - K13		-	4	6.292.000		-	6.292.000	5	31.460.000
56	LTRHM K1		-	1	1.573.000		-	1.573.000	5	7.865.000
57	BSRHM - K14A	4	6.864.000		-		-	6.864.000	5	34.320.000
58	BSRHM - K14B	1	1.716.000		-		-	1.716.000	5	8.580.000
59	BSRHM - K15		-	3	4.719.000		-	4.719.000	5	23.595.000
60	YHDP 12		-	2	3.146.000		-	3.146.000	5	15.730.000
61	YHDP 13		-	1	1.573.000		-	1.573.000	5	7.865.000
62	YHDP 14		-		-	4	5.720.000	5.720.000	5	28.600.000
63	YHDP 15		-	4	6.292.000		-	6.292.000	5	31.460.000
64	YHDP 16		-	2	3.146.000	2	2.860.000	6.006.000	5	30.030.000
65	CNÐD17B	2	3.432.000	5	7.865.000		-	11.297.000	5	56.485.000
66	CNÐD17C	2	3.432.000	2	3.146.000		-	6.578.000	5	32.890.000
67	CNÐD17D	4	6.864.000	1	1.573.000		-	8.437.000	5	42.185.000
68	CNÐD17E		-	2	3.146.000		-	3.146.000	5	15.730.000
69	CNÐD18A		-	4	6.292.000		-	6.292.000	5	31.460.000
70	CNÐD18B		-	7	11.011.000		-	11.011.000	5	55.055.000
71	CNÐD18C	1	1.716.000	3	4.719.000		-	6.435.000	5	32.175.000
72	CNÐD18D		-	2	3.146.000		-	3.146.000	5	15.730.000
73	CNÐD18E		-	6	9.438.000		-	9.438.000	5	47.190.000
74	CNÐD19A		-		-	4	5.720.000	5.720.000	5	28.600.000
75	CNÐD19B		-		-	4	5.720.000	5.720.000	5	28.600.000
76	CNÐD19C		-		-	3	4.290.000	4.290.000	5	21.450.000
77	ĐH Dược 15A		-	4	6.292.000		-	6.292.000	5	31.460.000
78	ĐH Dược 15B	1	1.716.000	1	1.573.000		-	3.289.000	5	16.445.000
79	ĐH Dược 15C	1	1.716.000	5	7.865.000		-	9.581.000	5	47.905.000
80	ĐH Dược 16A		-	1	1.573.000		-	1.573.000	5	7.865.000

STT	Tên lớp	Số lượng sinh viên hưởng học bổng khuyến khích học tập						Tổng số tiền/ tháng	Số tháng	Tổng số tiền/ học kỳ
		Loại Xuất sắc 1.716.000đ/tháng		Loại Giỏi 1.573.000đ/tháng		Loại Khá 1.430.000đ/tháng				
		Số SV	Thành tiền	Số SV	Thành tiền	Số SV	Thành tiền			
81	ĐH Dược 16B	1	1.716.000	2	3.146.000		-	4.862.000	5	24.310.000
82	ĐH Dược 16C	2	3.432.000	4	6.292.000		-	9.724.000	5	48.620.000
83	ĐH Dược 16D	1	1.716.000	6	9.438.000		-	11.154.000	5	55.770.000
84	LTD -20	1	1.716.000					1.716.000	5	8.580.000
85	ĐH Dược 17A	1	1.716.000	4	6.292.000		-	8.008.000	5	40.040.000
86	ĐH Dược 17B		-	5	7.865.000		-	7.865.000	5	39.325.000
87	ĐH Dược 17C		-	4	6.292.000		-	6.292.000	5	31.460.000
88	LTD -21			4	6.292.000		-	6.292.000	5	31.460.000
89	ĐH Dược 18A		-	1	1.573.000	1	1.430.000	3.003.000	5	15.015.000
90	ĐH Dược 18B		-	2	3.146.000	1	1.430.000	4.576.000	5	22.880.000
91	ĐH Dược 18C		-	1	1.573.000	2	2.860.000	4.433.000	5	22.165.000
92	LTD -22	3	5.148.000	1	1.573.000	4	5.720.000	12.441.000	5	62.205.000
93	CNXNYH - K4	2	3.432.000	1	1.573.000		-	5.005.000	5	25.025.000
94	CNXNYH - K5		-	3	4.719.000		-	4.719.000	5	23.595.000
95	CNXNYH - K6		-	1	1.573.000	2	2.860.000	4.433.000	5	22.165.000
96	HOSINH.K1		-	1	1.573.000	1	1.430.000	3.003.000	5	15.015.000
97	HOSINH.K2		-		-	1	1.430.000	1.430.000	5	7.150.000
	Tổng	87	149.292.000	256	402.688.000	37	52.910.000	604.890.000		3.024.450.000

Án định số sinh viên được hưởng học bổng khuyến khích học tập là 380 sinh viên.

Án định số tiền học bổng khuyến khích học tập 05 tháng là 3.024.450.000 đồng.

Số tiền bằng chữ: Ba tỷ không trăm hai mươi tư triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phan Thị Kim Huệ

KT. TRƯỞNG PHÒNG CT HSSV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CT HSSV



Ths. Lê Thị Lựu

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Kiều Giang

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

Học kỳ I- Năm học 2023 - 2024

Kèm theo quyết định số 3408 /QĐ-ĐHYD ngày 20 tháng 12 năm 2023

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	ĐTB CQ	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền/tháng	Số tháng	Số tiền/HK	Lớp
1	DTY1857201010351	Trần Thu Uyên	25/01/2000	3,56	Giỏi	96	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K51A
2	DTY1857201010310	Nguyễn Thị Thủy	14/11/2000	3,56	Giỏi	91	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K51C
3	DTY1857201010152	Lò Thị Thanh Huyền	17/09/2000	3,56	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K51D
4	DTY1857201010241	Trịnh Thu Phương	06/11/2000	3,5	Giỏi	98	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K51E
5	DTY1857201010229	Trần Thanh Nhân	22/12/2000	3,47	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K51D
6	DTY1857201010107	Âu Thu Hoài	25/07/2000	3,47	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K51E
7	DTY1857201010009	Nguyễn Thị Phương Anh	22/10/1999	3,47	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K51E
8	DTY1857201010067	Nông Hoàng Duy	09/08/2000	3,47	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K51B
9	DTY1857201010059	Lê Thùy Dương	16/01/2000	3,41	Giỏi	94	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K51D
10	DTY1857201010221	Mai Bích Ngọc	10/07/2000	3,41	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K51E
11	DTY1857201010117	Phạm Nguyễn Thái Hoàng	23/10/2000	3,38	Giỏi	96	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K51B
12	DTY1857201010037	Nguyễn Thị Linh Chi	11/12/1999	3,38	Giỏi	93	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K51E
13	DTY1857201010161	Ma Thị Xuân Kiều	30/08/2000	3,38	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K51B
14	DTY1857201010024	Hứa Thị Ánh	02/06/2000	3,38	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K51C
15	DTY1857201010178	Hoàng Thị Linh	20/07/2000	3,38	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K51E
16	DTY1857201010054	Nguyễn Thị Thu Dung	10/08/2000	3,34	Giỏi	91	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K51A
17	DTY1857201010234	Phạm Thị Hồng Nhung	21/03/2000	3,34	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K51B
18	DTY1857201010315	Hoàng Ngọc Thụy	03/08/2000	3,34	Giỏi	86	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K51E
19	DTY1857201010132	Lê Thị Lan Hương	29/10/2000	3,34	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K51C
20	DTY1857201010007	Vũ Thị Vân Anh	17/06/2000	3,31	Giỏi	94	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K51E
21	DTY1857201010111	Bàng Lê Mạnh Hoàng	16/12/2000	3,31	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K51E

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	ĐTB QĐ	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền/tháng	Số tháng	Số tiền/HK	Lớp
22	DTY1857201010278	Trần Thị Thu Thảo	04/08/2000	3,31	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K51E
23	DTY18K7201010094	Bùi Thị Lung	17/09/1987	3,67	Xuất sắc	98	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	CTY.K50B
24	DTY18K7201010115	Mai Xuân Tiến	01/03/1996	3,56	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CTY.K50B
25	DTY18K7201010071	Dương Hoàng Anh	25/12/1995	3,39	Giỏi	92	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CTY.K50B
26	DTY18K7201010081	Hoàng Văn Hiệp	20/09/1987	3,39	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CTY.K50B
27	DTY1957201010339	Hoàng Thị Thu Phương	16/12/2001	3,75	Xuất sắc	92	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K52B
28	DTY1957201010344	Phùng Vũ Quang	05/02/2001	3,75	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K52I
29	DTY1957201010453	Lê Ngọc Tú	16/10/2001	3,69	Xuất sắc	99	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K52C
30	DTY1957201010350	Phạm Như Quỳnh	10/11/2001	3,69	Xuất sắc	99	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K52H
31	DTY1957201010411	Nguyễn Thị Phương Thùy	16/11/2001	3,69	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K52H
32	DTY1957201010153	Nguyễn Thị Hoài	12/12/2001	3,69	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K52H
33	DTY1957201010218	Lưu Thị Lâm	23/05/2001	3,69	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K52H
34	DTY1957201010217	Đặng Thị Thúy Kiều	02/10/2001	3,63	Xuất sắc	100	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K52E
35	DTY1957201010020	Hà Thị Anh	21/04/2001	3,63	Xuất sắc	94	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K52D
36	DTY1957201010105	Sầm Đức Giang	19/12/2001	3,63	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K52B
37	DTY1957201010202	Nguyễn Ngọc Huyền	28/12/2001	3,63	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K52H
38	DTY1957201010014	Ngô Hà Ngọc Anh	08/09/2001	3,63	Xuất sắc	89	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K52E
39	DTY1957201010467	Hoàng Thị Ánh Tuyết	27/10/2001	3,63	Xuất sắc	85	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K52I
40	DTY1957201010096	Trịnh Trường Giang	20/05/2000	3,56	Giỏi	100	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K52C
41	DTY1957201010321	Ma Thị Hồng Nhung	28/11/2000	3,56	Giỏi	100	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K52D
42	DTY1957201010025	Nguyễn Đức Anh	28/07/2001	3,56	Giỏi	97	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K52E
43	DTY1957201010469	Vì Thị Ươm	14/10/2001	3,56	Giỏi	96	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K52C
44	DTY1957201010127	Lê Thị Hồng Hạnh	17/12/2001	3,56	Giỏi	95	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K52E
45	DTY1957201010278	Phan Đức Mạnh	23/01/2001	3,56	Giỏi	95	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K52E
46	DTY1957201010432	Bùi Thu Trang	18/04/2001	3,56	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K52H
47	DTY1957201010212	Nguyễn Tuấn Kiên	14/11/2001	3,56	Giỏi	89	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K52B
48	DTY1957201010289	Triệu Thị Mơ	02/06/2001	3,56	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K52D

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	ĐTB QĐ	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền/tháng	Số tháng	Số tiền/HK	Lớp
49	DTY1957201010345	Tiêu Hồng Quang	25/05/2001	3,5	Giỏi	100	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K52A
50	DTY1957201010333	Phạm Ngọc Oanh	07/09/2001	3,5	Giỏi	100	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K52D
51	DTY1957201010382	Nguyễn Như Thảo	28/01/2001	3,5	Giỏi	100	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K52E
52	DTY1957201010266	Nguyễn Công Lương	21/01/2001	3,5	Giỏi	97	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K52I
53	DTY1957201010019	Trần Thị Lan Anh	29/09/2001	3,5	Giỏi	95	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K52E
54	DTY1957201010309	Trương Hồng Ngọc	04/01/2001	3,5	Giỏi	94	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K52D
55	DTY2057201010047	Chu Thị Ánh	30/07/2002	3,63	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K53E
56	DTY2057201010417	Ngô Thị Hồng Nhung	06/07/2002	3,6	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K53E
57	DTY2057201010453	Nguyễn Đức Quang	24/01/2002	3,67	Xuất sắc	87	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53D
58	DTY2057201010254	Trần Đỗ Khánh Huyền	20/12/2002	3,67	Xuất sắc	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53D
59	DTY2057201010369	Thân Văn Nam	23/08/2002	3,57	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53D
60	DTY2057201010408	Lê Đăng Nhật	24/08/2002	3,5	Giỏi	94	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53D
61	DTY2057201010079	Đặng Phương Chi	22/07/2002	3,47	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53D
62	DTY2057201010293	Đàm Thị Diệu Linh	24/11/2002	3,47	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53D
63	DTY2057201010023	Trương Việt Anh	03/08/2002	3,43	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53A
64	DTY2057201010266	Phạm Minh Khanh	25/06/2002	3,43	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53I
65	DTY2057201010294	Hoàng Thị Mỹ Linh	26/04/2002	3,43	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53D
66	DTY2057201010395	Nguyễn Vũ Hồng Ngọc	15/11/2002	3,42	Giỏi	92	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53A
67	DTY2057201010418	Nguyễn Hồng Nhung	13/05/2002	3,4	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53G
68	DTY2057201010003	Trần Thị Phương Anh	26/09/2002	3,4	Giỏi	89	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53K
69	DTY2057201010027	Vũ Minh Anh	24/01/2002	3,4	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53B
70	DTY2057201010551	Phạm Thanh Trà	18/08/2002	3,4	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53K
71	DTY2057201010153	Trần Văn Đức	18/08/2002	3,37	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53B
72	DTY2057201010345	Lê Minh Mai	19/12/2002	3,37	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53B
73	DTY2057201010225	Phạm Quang Hùng	12/05/2002	3,33	Giỏi	100	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53C
74	DTY2057201010273	Nguyễn Lê Kiên	03/12/2002	3,33	Giỏi	91	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53G
75	DTY20K7201010149	Nguyễn Thị Huyền Trang	25/05/1998	3,33	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CTY.K52A

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	DTBC QĐ	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền/tháng	Số tháng	Số tiền/HK	Lớp
76	DTY2057201010446	Hoàng Thị Phụng	12/12/2002	3,33	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53K
77	DTY2057201010058	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	16/04/2002	3,33	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53E
78	DTY2057201010166	Nguyễn Thị Hà	09/10/2002	3,33	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53D
79	DTY20K7201010129	Nguyễn Tấn Thiên	20/11/1992	3,3	Giỏi	94	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CTY.K52B
80	DTY20K7201010015	Nguyễn Xuân Dân	13/10/1986	3,3	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CTY.K52A
81	DTY2057201010135	Nguyễn Thị Duyên	27/04/2002	3,3	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53E
82	DTY2057201010523	Khúc Thị Hoài Thu	14/11/2002	3,3	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53B
83	DTY2057201010456	Diêm Thị Quyên	09/05/2002	3,3	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53C
84	DTY2057201010124	Trần Thị Dương	25/10/2001	3,3	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53I
85	DTY2057201010325	Nguyễn Thị Loan	19/11/2002	3,3	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53B
86	DTY2057201010016	Nguyễn Thị Hoàng Anh	26/11/2002	3,3	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53E
87	DTY2057201010192	Phạm Thế Hiền	31/08/2002	3,3	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53E
88	DTY2057201010296	Trần Phương Linh	29/11/2002	3,3	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53D
89	DTY2057201010576	Nguyễn Huyền Trang	15/06/2002	3,3	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53H
90	DTY20K7201010109	Vì Thị Quyên	10/06/1994	3,27	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CTY.K52A
91	DTY2057201010275	Bàn Thị Kiều	25/08/2002	3,27	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53H
92	DTY2057201010246	Mạc Thị Hường	06/10/2002	3,27	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53E
93	DTY2057201010068	Đặng Thị Cam	29/11/2001	3,27	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53E
94	DTY2057201010113	Vũ Tuấn Dũng	25/02/2002	3,27	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53H
95	DTY2057201010404	Nguyễn Thị Thu Nhân	28/04/2002	3,27	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53H
96	DTY20K7201010084	Bạch Thị Nga	20/08/1994	3,25	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CTY.K52A
97	DTY2057201010449	Nguyễn Minh Quân	31/07/2002	3,23	Giỏi	95	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53E
98	DTY2057201010017	Lăng Nguyễn Hùng Anh	25/08/2002	3,23	Giỏi	92	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53E
99	DTY2057201010308	Dương Thùy Linh	16/08/2002	3,23	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53C
100	DTY2057201010562	Lê Nguyễn Huyền Trang	06/01/2002	3,23	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53C
101	DTY2057201010507	Dương Phương Thảo	15/08/2002	3,23	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K53D
102	DTY2157201010439	Đặng Ánh Dương	25/10/2003	3,87	Xuất sắc	97	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K54B

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	ĐTB QĐ	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền/tháng	Số tháng	Số tiền/HK	Lớp
103	DTY2157201010698	Phạm Phi Long	30/11/2003	3,82	Xuất sắc	98	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K54C
104	DTY2157201010260	Bùi Thị Hải Yến	11/10/2003	3,82	Xuất sắc	92	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K54D
105	DTY2157201010607	Phạm Thanh Hường	06/05/2003	3,82	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K54G
106	DTY2157201010131	Hà Thị Tuệ Loan	18/07/2003	3,76	Xuất sắc	92	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K54H
107	DTY2157201010868	Bùi Như Quỳnh	07/01/2003	3,71	Xuất sắc	98	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K54N
108	DTY2157201010340	Nguyễn Hoàng Thúy Anh	28/12/2003	3,71	Xuất sắc	97	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K54B
109	DTY2157201010692	Nguyễn Ái Loan	18/01/2003	3,71	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K54D
110	DTY2157201010079	Bùi Văn Hiệu	09/10/2003	3,68	Xuất sắc	98	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K54B
111	DTY2157201010383	Đinh Thị Cúc	25/11/2003	3,68	Xuất sắc	98	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K54D
112	DTY2157201010261	Nguyễn Thị Thùy	25/02/2003	3,68	Xuất sắc	92	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K54H
113	DTY2157201010798	Phạm Trần Hồng Ngọc	16/05/2002	3,68	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K54I
114	DTY2157201010867	Hoàng Xuân Quyết	20/11/2003	3,66	Xuất sắc	95	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K54M
115	DTY2157201010948	Phùng Thanh Thảo	25/09/2003	3,66	Xuất sắc	94	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K54L
116	DTY2157201010958	Nguyễn Văn Thắng	30/03/2003	3,66	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K54K
117	DTY2157201010922	Đoàn Thị Tuyết	25/06/2003	3,63	Xuất sắc	93	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K54D
118	DTY2157201010386	Nguyễn Vũ Cương	08/03/2003	3,61	Xuất sắc	99	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K54H
119	DTY2157201010954	Chu Vũ Thắng	28/12/2003	3,61	Xuất sắc	96	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K54E
120	DTY2157201010482	Bùi Thị Minh Giang	12/11/2003	3,61	Xuất sắc	92	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K54L
121	DTY2157201010506	Nguyễn Tuệ Quốc Hào	16/10/2003	3,61	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K54M
122	DTY2157201010239	Trần Thị Hải Yến	24/05/2003	3,87	Xuất sắc	88	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54B
123	DTY2157201010666	Lý Diệu Linh	17/07/2003	3,76	Xuất sắc	89	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54H
124	DTY2157201010752	Hoàng Ngọc Thiện Mỹ	07/04/2003	3,68	Xuất sắc	86	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54E
125	DTY2157201010192	Nguyễn Đức Tân	07/07/2003	3,61	Xuất sắc	88	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54K
126	DTY2157201010697	Phạm Hoàng Long	10/10/2003	3,61	Xuất sắc	84	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54B
127	DTY2157201010504	Nguyễn Thị Hạnh	30/08/2002	3,61	Xuất sắc	80	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54K
128	DTY2157201010975	Ma Thị Thuận	01/06/2003	3,58	Giỏi	99	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54C
129	DTY2157201010836	Nguyễn Thị Hồng Phúc	15/04/2003	3,58	Giỏi	91	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54H

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	ĐTB QĐ	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền/tháng	Số tháng	Số tiền/HK	Lớp
130	DTY2157201010748	Ngô Thị My	06/02/2003	3,58	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54A
131	DTY2157201010440	Đặng Thùy Dương	04/06/2003	3,58	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54C
132	DTY2157201011058	Hoàng Đình Xuân	23/07/2002	3,58	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54N
133	DTY2157201010211	Lý Thị Hoài Thương	22/02/2003	3,58	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54K
134	DTY2157201010782	Tạ Thị Thùy Ngân	21/02/2003	3,58	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54C
135	DTY2157201010823	Phạm Thị Nhung	03/03/2003	3,58	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54A
136	DTY2157201010102	Đỗ Ngọc Huyền	09/10/2003	3,58	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54L
137	DTY2157201010904	Hoàng Minh Tú	08/11/2003	3,55	Giỏi	92	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54G
138	DTY2157201010749	Nguyễn Ngọc Trà My	08/04/2003	3,55	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54B
139	DTY2157201010979	Võ Thị Thùy	11/07/2003	3,55	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54G
140	DTY2157201010514	Nguyễn Thị Thanh Hằng	19/08/2003	3,55	Giỏi	89	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54L
141	DTY2157201010728	Đỗ Thị Chà Mi	06/09/2003	3,55	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54C
142	DTY2157201010363	Hoàng Thị Ánh	17/09/2003	3,55	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54E
143	DTY2157201010528	Phạm Thu Hiền	18/12/2003	3,55	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54K
144	DTY2157201010382	Vũ Thành Công	29/12/2003	3,55	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54C
145	DTY2157201010468	Bùi Văn Đức	13/11/2003	3,55	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54E
146	DTY2157201010501	Nguyễn Trường Hải	06/11/2003	3,53	Giỏi	94	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54C
147	DTY2157201010945	Nguyễn Thị Phương Thảo	13/12/2003	3,53	Giỏi	91	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54H
148	DTY2157201010537	Nguyễn Thị Hiếu	06/03/2003	3,53	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54H
149	DTY2157201010668	Mai Văn Linh	27/03/1999	3,53	Giỏi	89	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54K
150	DTY2157201011057	Phan Thị Xoan	28/02/2003	3,53	Giỏi	89	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54M
151	DTY2157201011024	Bùi Việt Trinh	23/01/2003	3,53	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54C
152	DTY2157201010343	Nguyễn Thị Mai Anh	06/06/2003	3,53	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54E
153	DTY2157201010853	Vũ Quỳnh Phương	19/05/2003	3,5	Giỏi	100	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54B
154	DTY2157201010197	Nguyễn Trung Thành	11/06/2003	3,5	Giỏi	100	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K54H
155	DTY21K7201010190	Đoàn Văn Tám	09/06/1989	3,37	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	LTYK.K53B
156	DTY21K7201010256	Nguyễn Tuấn Vũ	09/05/1993	3,34	Giỏi	96	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	LTYK.K53B

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	ĐTB QĐ	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền/tháng	Số tháng	Số tiền/HK	Lớp
157	DTY21K7201010152	Trần Thanh Nga	18/07/1986	3,32	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	LTYP.K53B
158	DTY21K7201010127	Nguyễn Trung Kiên	22/10/1992	3,26	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	LTYP.K53B
159	DTY21K7201010035	Vương Ngọc Anh	19/12/1993	3,23	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	LTYP.K53D
160	DTY21K7201010231	Hoàng Ngọc Trường	04/07/1991	3,23	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	LTYP.K53D
161	DTY21K7201010140	Dương Khánh Linh	31/05/1998	3,2	Giỏi	93	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	LTYP.K53B
162	DTY21K7201010238	Nguyễn Anh Tuấn	30/10/1975	3,54	Giỏi	79	Khá	Khá	1.430.000	5	7.150.000	LTYP.K53B
163	DTY21K7201010220	Ôn Thị Thủy	10/08/1986	3,28	Giỏi	65	Khá	Khá	1.430.000	5	7.150.000	LTYP.K53B
164	DTY21K7201010182	Nguyễn Thị Quỳnh	17/04/1992	3,17	Khá	96	Xuất sắc	Khá	1.430.000	5	7.150.000	LTYP.K53C
165	DTY21K7201010084	Nguyễn Khánh Hà	27/10/1994	3,17	Khá	80	Tốt	Khá	1.430.000	5	7.150.000	LTYP.K53B
166	DTY21K7201010181	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	02/11/1995	3,15	Khá	80	Tốt	Khá	1.430.000	5	7.150.000	LTYP.K53B
167	DTY21K7201010235	Nguyễn Anh Tuấn	24/12/1988	3,15	Khá	80	Tốt	Khá	1.430.000	5	7.150.000	LTYP.K53B
168	DTY21K7201010063	Đỗ Văn Đạt	21/02/1989	3,13	Khá	80	Tốt	Khá	1.430.000	5	7.150.000	LTYP.K53B
169	DTY21K7201010081	Trần Thanh Hà	16/12/1983	3,13	Khá	80	Tốt	Khá	1.430.000	5	7.150.000	LTYP.K53B
170	DTY2257201010637	Nguyễn Khánh Toàn	02/08/2004	4	Xuất sắc	92	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K55B
171	DTY2257201010516	Nguyễn Thị Mai Oanh	02/09/2004	3,94	Xuất sắc	95	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K55G
172	DTY2257201010174	Trương Nguyễn Quỳr Giao	16/03/2004	3,88	Xuất sắc	97	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K55B
173	DTY2257201010592	Dương Thị Phương Thảo	09/05/2003	3,84	Xuất sắc	100	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K55I
174	DTY2257201010549	Nguyễn Minh Quang	04/07/2004	3,84	Xuất sắc	100	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K55K
175	DTY2257201010089	Nguyễn Mạnh Cường	12/03/2004	3,84	Xuất sắc	96	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K55K
176	DTY2257201010526	Chu Thị Bích Phương	08/11/2004	3,84	Xuất sắc	95	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K55G
177	DTY2257201010711	Nguyễn Hải Yến	13/08/2004	3,84	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K55A
178	DTY2257201010192	Vũ Thu Hằng	09/02/2004	3,81	Xuất sắc	92	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K55B
179	DTY2257201010376	Nguyễn Thanh Ngọc Linh	12/11/2004	3,78	Xuất sắc	97	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K55G
180	DTY2257201010627	Dương Thị Thủy	06/03/2004	3,78	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K55H
181	DTY2257201010082	Nguyễn Văn Chung	04/08/2004	3,72	Xuất sắc	100	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K55B
182	DTY2257201010295	Nguyễn Ngọc Huy	02/03/2004	3,72	Xuất sắc	98	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K55E
183	DTY2257201010267	Nguyễn Việt Hùng	08/11/2004	3,72	Xuất sắc	92	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K55H

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	ĐTB QĐ	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền/tháng	Số tháng	Số tiền/HK	Lớp
184	DTY22K7201010078	Đào Xuân Sơn	12/10/1993	3,72	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	LTYK.K54B
185	DTY22K7201010006	Trần Thị Huế	25/02/1991	3,71	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	LTYK.K54A
186	DTY2257201010310	Trần Ngọc Huyền	16/09/2004	3,69	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K55L
187	DTY22K7201010010	Võ Duy Ngọc	30/09/1994	3,69	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	LTYK.K54A
188	DTY22K7201010015	Phạm Thị Thu Trang	20/08/1990	3,67	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	LTYK.K54A
189	DTY2257201010343	Đinh Thị Lệ	28/03/2004	3,66	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	K55C
190	DTY22K7201010062	Trương Thị Linh	18/12/1993	3,66	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	LTYK.K54B
191	DTY22K7201010003	Vũ Quốc Duy	23/11/1995	3,64	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	LTYK.K54A
192	DTY22K7201010011	Nguyễn Thanh Tâm	11/01/1993	3,6	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	LTYK.K54A
193	DTY22K7201010018	Trần Công Trường	19/09/1999	3,6	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	LTYK.K54A
194	DTY2257201010019	Nguyễn Kim Anh	19/01/2004	3,84	Xuất sắc	85	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K55K
195	DTY2257201010712	Nguyễn Hải Yến	20/11/2004	3,84	Xuất sắc	84	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K55A
196	DTY2257201010156	Nguyễn Vũ Khánh Duy	10/08/2004	3,84	Xuất sắc	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K55G
197	DTY2257201010099	Đàm Thế Đạt	14/12/2004	3,84	Xuất sắc	80	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K55K
198	DTY22K7201010183	Đỗ Huỳnh Vẹn	13/06/1991	3,78	Xuất sắc	89	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	LTYK.K54C
199	DTY2257201010403	Triệu Thị Thu Lương	31/03/2004	3,78	Xuất sắc	87	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K55C
200	DTY2257201010557	Chu Thị Như Quỳnh	12/06/2004	3,78	Xuất sắc	86	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K55H
201	DTY2257201010367	Ngô Phương Linh	22/10/2004	3,72	Xuất sắc	84	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K55B
202	DTY2257201010229	Triệu Bảo Hiếu	28/09/2004	3,72	Xuất sắc	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K55K
203	DTY2257201010481	Phạm Vũ Ánh Ngọc	17/05/2004	3,72	Xuất sắc	82	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K55A
204	DTY2257201010016	Lưu Trung Anh	21/07/2003	3,72	Xuất sắc	80	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K55G
205	DTY2257201010043	Tạ Quang Bắc	01/02/2004	3,69	Xuất sắc	87	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K55C
206	DTY2257201010049	Hoàng Gia Bảo	08/09/2004	3,69	Xuất sắc	81	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K55K
207	DTY2257201010339	Nguyễn Ngọc Lan	13/09/2004	3,69	Xuất sắc	80	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K55K
208	DTY2257201010252	Phạm Minh Hoàng	26/09/2004	3,66	Xuất sắc	88	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K55B
209	DTY2257201010280	Đỗ Thị Lan Hương	06/04/2004	3,66	Xuất sắc	88	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K55L
210	DTY2257201010136	Đinh Thùy Dương	30/11/2004	3,66	Xuất sắc	86	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K55G

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	ĐTB QĐ	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền/tháng	Số tháng	Số tiền/HK	Lớp
211	DTY2257201010137	Đặng Tài Dương	23/12/2004	3,66	Xuất sắc	86	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K55H
212	DTY2257201010308	Nguyễn Thị Khánh Huyền	26/01/2004	3,66	Xuất sắc	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K55I
213	DTY2257201010115	Đinh Xuân Đức	10/10/2004	3,63	Xuất sắc	86	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K55E
214	DTY2257201010576	Lê Văn Thắng	28/11/2004	3,63	Xuất sắc	85	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K55G
215	DTY2257201010384	Trần Khánh Linh	28/06/2004	3,63	Xuất sắc	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K55D
216	DTY2257201010378	Phan Nguyễn Ngọc Linh	22/01/2004	3,63	Xuất sắc	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K55I
217	DTY2257201010688	Nguyễn Thị Thanh Vân	15/01/2004	3,63	Xuất sắc	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K55I
218	DTY2257201010373	Nguyễn Quang Linh	30/08/2004	3,63	Xuất sắc	82	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K55C
219	DTY2257201010260	Nguyễn Thị Hồng	08/05/2003	3,63	Xuất sắc	82	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K55L
220	DTY2257201010171	Nguyễn Thị Hương Giang	01/07/2004	3,59	Giỏi	100	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	K55G
221	DTY1857205010027	Dương Thị Phương Thảo	09/10/2000	3,71	Xuất sắc	93	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	RHM K11
222	DTY1857205010022	Nguyễn Thị Thanh Nhân	22/01/2000	3,47	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	RHM K11
223	DTY1957205010025	Tô Thị Huyền Nhung	22/03/2001	3,61	Xuất sắc	92	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	RHM K12
224	DTY1957205010021	Nguyễn Thị Thùy Linh	15/01/2001	3,47	Giỏi	91	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	RHM K12
225	DTY20K7205010003	Bùi Thị Bích Ngọc	14/11/1994	3,53	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	LTRHM.K1
226	DTY2057205010077	Chu Hải Yến	25/10/2002	3,32	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	RHM K13
227	DTY2057205010022	Chu Thị Khánh Hiền	27/09/2002	3,26	Giỏi	86	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	RHM K13
228	DTY2057205010042	Nguyễn Khánh Linh	12/05/2002	3,26	Giỏi	86	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	RHM K13
229	DTY2057205010031	Phạm Thị Huyền	20/11/2002	3,21	Giỏi	89	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	RHM K13
230	DTY2157205010005	Đinh Thu Hằng	29/12/2003	3,82	Xuất sắc	93	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	RHM.K14B
231	DTY2157205010066	Nguyễn Thị Huyền	31/03/2003	3,76	Xuất sắc	95	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	RHM.K14A
232	DTY2157205010100	Nguyễn Thị Thúy	05/01/2002	3,74	Xuất sắc	93	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	RHM.K14A
233	DTY2157205010103	Phan Thị Thanh Trà	03/11/2003	3,71	Xuất sắc	98	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	RHM.K14A
234	DTY2157205010093	Nguyễn Thị Thu Phương	08/08/2002	3,68	Xuất sắc	99	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	RHM.K14A
235	DTY2257205010054	Vì Thị Anh Thư	08/02/2004	3,71	Xuất sắc	84	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	RHM K15
236	DTY2257205010016	Đỗ Thị Thu Hà	22/06/2004	3,57	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	RHM K15
237	DTY2257205010039	Dương Thị Ngân	22/10/2004	3,46	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	RHM K15

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	ĐTB QĐ	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền/tháng	Số tháng	Số tiền/HK	Lớp
238	DTY1857201100034	Phạm Như Quỳnh	27/08/2000	3,42	Giỏi	92	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	YHDP.K12
239	DTY1857201100028	Đàm Trang Nhung	17/12/2000	3,33	Giỏi	92	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	YHDP.K12
240	DTY1957201100021	Nguyễn Thị Hồng Thiên	10/07/2001	3,23	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	YHDP.K13
241	DTY2057201100060	Đỗ Thành Tôn	10/03/2001	3,03	Khá	71	Khá	Khá	1.430.000	5	7.150.000	YHDP.K14
242	DTY2057201100029	Bùi Thị Ngọc Huyền	06/07/2002	2,97	Khá	93	Xuất sắc	Khá	1.430.000	5	7.150.000	YHDP.K14
243	DTY2057201100039	Nguyễn Huyền My	10/11/2002	2,86	Khá	75	Khá	Khá	1.430.000	5	7.150.000	YHDP.K14
244	DTY2057201100067	Hà Văn Tú	28/08/2002	2,78	Khá	100	Xuất sắc	Khá	1.430.000	5	7.150.000	YHDP.K14
245	DTY2157201100115	Đặng Xuân Tâm	28/12/2003	3,55	Giỏi	95	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	YHDP.K15
246	DTY2157201100062	Cao Xuân Bách	03/09/2003	3,42	Giỏi	86	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	YHDP.K15
247	DTY2157201100071	Quang Sơn Dương	01/04/2003	3,26	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	YHDP.K15
248	DTY2157201100083	Bùi Minh Hiếu	16/04/2003	3,24	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	YHDP.K15
249	DTY2257201100061	Trần Thị Phương Thảo	14/12/2004	3,28	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	YHDP.K16
250	DTY2257201100056	Đặng Phương Thảo	12/10/2003	3,22	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	YHDP.K16
251	DTY2257201100052	Nguyễn Quang Sáng	21/08/2004	3,38	Giỏi	72	Khá	Khá	1.430.000	5	7.150.000	YHDP.K16
252	DTY2257201100028	Phùng Thế Huy	23/03/2003	3,34	Giỏi	74	Khá	Khá	1.430.000	5	7.150.000	YHDP.K16
253	DTY2057203010016	Nguyễn Văn Anh	20/07/2002	3,71	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	CNDD 17B
254	DTY2057203010077	Đỗ Thị Thu Hiền	02/01/2002	3,71	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	CNDD 17D
255	DTY2057203010011	Nguyễn Thị Lan Anh	22/09/2002	3,69	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	CNDD 17D
256	DTY2057203010102	Nguyễn Thị Huế	12/06/2002	3,69	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	CNDD 17C
257	DTY2057203010134	Nguyễn Thị Khánh	13/08/2002	3,67	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	CNDD 17D
258	DTY2057203010260	Nguyễn Huyền Trang	08/11/2002	3,63	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	CNDD 17B
259	DTY2057203010276	Chu Quỳnh Trang	26/09/2002	3,62	Xuất sắc	92	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	CNDD 17C
260	DTY2057203010182	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	20/11/2002	3,62	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	CNDD 17D
261	DTY2057203010044	Chu Thùy Dương	26/10/2002	3,76	Xuất sắc	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 17E
262	DTY2057203010101	Nguyễn Thị Hồng	14/10/2002	3,71	Xuất sắc	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 17B
263	DTY2057203010153	Đỗ Hoài Linh	16/09/1998	3,71	Xuất sắc	81	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 17C
264	DTY2057203010061	Nguyễn Thu Hà	02/11/2002	3,69	Xuất sắc	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 17B

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	ĐTB QĐ	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền/tháng	Số tháng	Số tiền/HK	Lớp
265	DTY2057203010163	Lê Thị Luyến	07/11/2002	3,64	Xuất sắc	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 17B
266	DTY2057203010190	Đỗ Trang Nhi	12/05/2002	3,64	Xuất sắc	82	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 17B
267	DTY2057203010122	Nguyễn Thị Thu Huyền	07/01/2002	3,64	Xuất sắc	82	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 17D
268	DTY2057203010078	Nguyễn Thị Thu Hiền	08/04/2002	3,64	Xuất sắc	80	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 17C
269	DTY2057203010226	Bùi Phương Thảo	09/10/2002	3,62	Xuất sắc	82	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 17B
270	DTY2057203010017	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	17/05/2002	3,6	Xuất sắc	88	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 17E
271	DTY2157203010385	Lương Thị Mai Hiền	28/06/2003	3,63	Xuất sắc	98	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	CNDD 18C
272	DTY2157203010667	Đinh Thị Thom	08/09/2003	3,64	Xuất sắc	81	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 18B
273	DTY2157203010717	Trịnh Thị Thu Uyên	14/02/2003	3,56	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 18E
274	DTY2157203010213	Khuất Thị Lan Anh	13/11/2003	3,53	Giỏi	89	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 18B
275	DTY2157203010427	Nguyễn Khánh Huyền	25/08/2003	3,5	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 18A
276	DTY2157203010701	Nguyễn Thu Trang	20/03/2003	3,47	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 18E
277	DTY2157203010515	Vũ Lê Thảo Ly	01/11/2003	3,41	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 18A
278	DTY2157203010614	Nguyễn Thanh Tâm	27/12/2003	3,41	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 18C
279	DTY2157203010553	Vũ Thu Ngân	05/11/2003	3,41	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 18E
280	DTY2157203010402	Hoàng Mai Hòa	06/05/2003	3,41	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 18C
281	DTY2157203010181	Hoàng Thu Trà	26/08/2003	3,41	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 18B
282	DTY2157203010462	Trần Thị Lan	03/03/2003	3,36	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 18B
283	DTY2157203010133	Hoàng Thị Nhi	22/04/2003	3,34	Giỏi	98	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 18B
284	DTY2157203010034	Lại Thị Duyên	27/02/2003	3,34	Giỏi	92	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 18B
285	DTY2157203010438	Tường Thị Huyền	04/12/2003	3,34	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 18B
286	DTY2157203010576	Phạm Thị Hồng Nhung	18/12/2003	3,34	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 18E
287	DTY2157203010572	Giáp Thị Hồng Nhung	19/05/2003	3,34	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 18A
288	DTY2157203010439	Trần Thị Thanh Huyền	29/05/2003	3,34	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 18C
289	DTY2157203010517	Đỗ Thị Huyền Mai	09/01/2003	3,34	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 18D
290	DTY2157203010714	Nguyễn Văn Trường	27/01/2003	3,34	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 18E
291	DTY2157203010092	Ba Thùy Linh	26/01/2003	3,34	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 18A

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	ĐTB QĐ	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền/tháng	Số tháng	Số tiền/HK	Lớp
292	DTY2157203010513	Nguyễn Thị Cẩm Ly	26/11/2003	3,34	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 18D
293	DTY2157203010473	Dương Thuỳ Linh	12/03/2003	3,34	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDD 18E
294	DTY2257203010220	Nguyễn Thị Minh Thuý	30/10/2004	3,08	Khá	78	Khá	Khá	1.430.000	5	7.150.000	CNDD 19A
295	DTY2257203010176	Trần Thu Phương	01/11/2004	2,83	Khá	82	Tốt	Khá	1.430.000	5	7.150.000	CNDD 19A
296	DTY2257203010231	Bế Thị Huyền Trang	30/06/2004	2,83	Khá	82	Tốt	Khá	1.430.000	5	7.150.000	CNDD 19C
297	DTY2257203010035	Nguyễn Tiến Đạt	07/11/2004	2,8	Khá	80	Tốt	Khá	1.430.000	5	7.150.000	CNDD 19C
298	DTY2257203010222	Nguyễn Thanh Thúy	20/09/2004	2,75	Khá	82	Tốt	Khá	1.430.000	5	7.150.000	CNDD 19B
299	DTY2257203010089	Hoàng Thị Huyền	15/11/2004	2,67	Khá	93	Xuất sắc	Khá	1.430.000	5	7.150.000	CNDD 19A
300	DTY2257203010169	Ngô Thị Kim Oanh	09/06/2004	2,5	Khá	82	Tốt	Khá	1.430.000	5	7.150.000	CNDD 19A
301	DTY2257203010018	Phạm Thị Vân Anh	12/09/2003	2,5	Khá	82	Tốt	Khá	1.430.000	5	7.150.000	CNDD 19B
302	DTY2257203010030	Phạm Thị Hà Chi	23/08/2004	2,5	Khá	82	Tốt	Khá	1.430.000	5	7.150.000	CNDD 19B
303	DTY2257203010166	Lê Hồng Nhung	12/10/2004	2,5	Khá	80	Tốt	Khá	1.430.000	5	7.150.000	CNDD 19B
304	DTY2257203010147	Hoàng Thảo Ngân	28/10/2002	2,5	Khá	80	Tốt	Khá	1.430.000	5	7.150.000	CNDD 19C
305	DTY1957202010046	Trần Thị Trường Giang	27/09/2001	3,68	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	DHD 15C
306	DTY1957202010160	Đặng Thị Thanh Phương	10/02/2001	3,61	Xuất sắc	99	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	DHD 15B
307	DTY1957202010056	Trần Thị Thu Hằng	17/02/2001	3,47	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 15C
308	DTY1957202010027	Hoàng Thị Chuyển	06/08/2001	3,42	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 15B
309	DTY1957202010058	Cử Thị Hạnh	17/03/2001	3,34	Giỏi	96	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 15C
310	DTY1957202010187	Lê Thị Trang	06/02/2001	3,34	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 15A
311	DTY1957202010206	Nguyễn Tú Uyên	28/08/2001	3,32	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 15C
312	DTY1957202010134	Mạc Thị Mến	14/07/2000	3,29	Giỏi	97	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 15A
313	DTY1957202010188	Trần Thu Trang	20/07/2001	3,29	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 15C
314	DTY1957202010191	Vũ Thị Huyền Trang	21/01/2001	3,26	Giỏi	96	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 15A
315	DTY1957202010077	Nguyễn Thị Thanh Huế	19/08/2001	3,26	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 15A
316	DTY1957202010060	Trần Thị Thu Hiền	11/02/2001	3,24	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 15C
317	DTY2057202010243	Đỗ Tâm Thu Thảo	25/10/2002	3,91	Xuất sắc	94	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	DHD 16C
318	DTY2057202010129	Phạm Ngọc Huyền	27/10/2002	3,79	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	DHD 16D

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	ĐTB QĐ	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền/tháng	Số tháng	Số tiền/HK	Lớp
319	DTY2057202010262	Đàm Thị Thu Thủy	06/05/2002	3,66	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	DHD 16B
320	DTY20K7202010010	Đặng Phương Thúy	24/04/1998	3,64	Xuất sắc	92	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	LTD.K20
321	DTY1957202010019	Lê Ngọc Ánh	15/01/2001	3,63	Xuất sắc	95	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	DHD 16C
322	DTY2057202010075	Trần Thu Hằng	30/07/2002	3,82	Xuất sắc	89	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 16B
323	DTY2057202010050	Trương Thị Hương Duyên	23/01/2001	3,66	Xuất sắc	82	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 16A
324	DTY2057202010189	Trần Thu Ngân	17/11/2002	3,65	Xuất sắc	88	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 16D
325	DTY2057202010283	Nguyễn Thị Uyên	15/10/2002	3,65	Xuất sắc	85	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 16B
326	DTY2057202010267	Nguyễn Thị Thùy Trang	01/04/2002	3,63	Xuất sắc	84	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 16D
327	DTY2057202010269	Nguyễn Thu Trang	23/11/2002	3,59	Giỏi	91	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 16C
328	DTY2057202010270	Nguyễn Phương Trang	22/03/2002	3,59	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 16C
329	DTY2057202010215	Nguyễn Thị Phượng	22/02/2002	3,58	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 16C
330	DTY2057202010151	Nguyễn Thị Thuý Linh	26/11/2002	3,56	Giỏi	96	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 16D
331	DTY2057202010253	Dương Thị Thu	01/09/2002	3,56	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 16D
332	DTY2057202010223	Ngô Thị Thúy Quỳnh	18/05/2002	3,53	Giỏi	98	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 16C
333	DTY2057202010239	Lê Phương Thảo	25/12/2002	3,53	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 16D
334	DTY2057202010260	Trần Thị Thu Thuý	12/04/2002	3,5	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 16D
335	DTY2157202010278	Nguyễn Thị Thịnh	02/10/2003	3,76	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	DHD 17A
336	DTY2157202010161	Phan Thùy Liên	01/01/2003	3,74	Xuất sắc	81	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 17C
337	DTY2157202010062	Trần Linh Anh	08/11/2003	3,63	Xuất sắc	84	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 17B
338	DTY2157202010298	Nguyễn Kiều Trang	11/12/2003	3,61	Xuất sắc	85	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 17A
339	DTY2157202010167	Nguyễn Hoàng Yến Linh	06/01/2003	3,61	Xuất sắc	85	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 17C
340	DTY2157202010285	Hoàng Thu Thủy	05/11/2003	3,58	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 17A
341	DTY2157202010308	Phạm Thảo Vân	29/05/2002	3,55	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 17B
342	DTY2157202010190	Nguyễn Thị Phương Mai	10/11/2003	3,55	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 17C
343	DTY2157202010169	Nguyễn Thị Khánh Linh	05/12/2003	3,53	Giỏi	89	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 17B
344	DTY2157202010222	Nguyễn Thị Hồng Nhung	16/09/2003	3,53	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 17B
345	DTY2157202010300	Phạm Hoa Trang	09/08/2003	3,52	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 17B

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	ĐTB QĐ	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền/tháng	Số tháng	Số tiền/HK	Lớp
346	DTY2157202010041	Lê Thị Băng Tâm	22/11/2003	3,5	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 17A
347	DTY2157202010150	Vũ Mai Hương	07/03/2003	3,47	Giỏi	100	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 17C
348	DTY2157202010159	Trần Thị Ngọc Lan	09/04/2003	3,45	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 17A
349	DTY21K7202010043	Cao Hoa Chi	14/08/1990	3,48	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	LTD.K21
350	DTY21K7202010019	Phạm Thị Dung	05/10/1998	3,45	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	LTD.K21
351	DTY21K7202010039	Nguyễn Thị Hiếu Hạnh	16/06/1993	3,43	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	LTD.K21
352	DTY21K7202010020	Hồ Thị Trang	10/11/1997	3,40	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	LTD.K21
353	DTY22K7202010035	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	23/02/2000	3,7	Xuất sắc	97	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	LTD.K22
354	DTY22K7202010001	Nguyễn Văn Anh	21/05/1997	3,67	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	LTD.K22
355	DTY22K7202010006	Khuất Phương Dung	19/03/2000	3,6	Xuất sắc	99	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	LTD.K22
356	DTY2257202010161	Hoàng Bảo Nguyên	06/07/2004	3,33	Giỏi	94	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 18C
357	DTY2257202010096	Phạm Thanh Hương	14/11/2004	3,25	Giỏi	95	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 18A
358	DTY2257202010097	Trần Quỳnh Hương	21/08/2004	3,25	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 18B
359	DTY22K7202010004	Nguyễn Thị Bích	01/07/1997	3,25	Giỏi	89	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	LTD.K22
360	DTY2257202010151	Phạm Vũ Tuyết Nga	22/06/2004	3,25	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD 18B
361	DTY2257202010148	Hoàng Thị Mỹ	25/09/2004	3,58	Giỏi	78	Khá	Khá	1.430.000	5	7.150.000	DHD 18B
362	DTY2257202010105	Lưu Thu Huyền	27/04/2004	3,17	Khá	100	Xuất sắc	Khá	1.430.000	5	7.150.000	DHD 18A
363	DTY2257202010230	Thân Thanh Tú	31/08/2004	3,17	Khá	100	Xuất sắc	Khá	1.430.000	5	7.150.000	DHD 18C
364	DTY22K7202010007	Phạm Thị Thùy Dương	30/10/2000	3,1	Khá	95	Xuất sắc	Khá	1.430.000	5	7.150.000	LTD.K22
365	DTY22K7202010017	Nguyễn Thị Thanh Hồng	01/02/1994	3,08	Khá	88	Tốt	Khá	1.430.000	5	7.150.000	LTD.K22
366	DTY22K7202010050	Bùi Hồng Việt	18/06/1987	3,08	Khá	88	Tốt	Khá	1.430.000	5	7.150.000	LTD.K22
367	DTY2257202010227	Vũ Thu Trang	06/09/2003	3,08	Khá	80	Tốt	Khá	1.430.000	5	7.150.000	DHD 18C
368	DTY22K7202010031	Nguyễn Thị Hồng Nhung	13/10/1990	3,07	Khá	86	Tốt	Khá	1.430.000	5	7.150.000	LTD.K22
369	DTY2057206010038	Lê Thị Hoài Ngọc	12/05/2002	3,79	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	XNYH.K4
370	DTY2057206010040	Trần Thị Thủy Nguyên	22/06/2002	3,62	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	XNYH.K4
371	DTY2057206010028	Đỗ Diệu Linh	30/01/2002	3,85	Xuất sắc	88	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	XNYH.K4
372	DTY2157206010107	Chu Thị Khánh Thư	18/10/2003	3,7	Xuất sắc	88	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	XNYH.K5

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	ĐTB QĐ	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền/tháng	Số tháng	Số tiền/HK	Lớp
373	DTY2157206010057	Đào Thị Chuyên	12/01/2003	3,43	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	XNYH.K5
374	DTY2157206010104	Quảng Thị Phương Thảo	04/10/2003	3,4	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	XNYH.K5
375	DTY2257206010017	Nguyễn Thị Việt Hà	06/07/2004	3,27	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	XNYH.K6
376	DTY2257206010062	Lê Văn Ý	27/10/2004	2,68	Khá	82	Tốt	Khá	1.430.000	5	7.150.000	XNYH.K6
377	DTY2257206010056	Phạm Thị Đoan Trang	27/01/2004	2,59	Khá	87	Tốt	Khá	1.430.000	5	7.150.000	XNYH.K6
378	DTY2157203020073	Vũ Thị Thu	03/11/2003	3,28	Giỏi	91	Xuất sắc	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	HOSINH.K1
379	DTY2157203020036	Trần Thị Thanh Hà	31/05/2003	2,83	Khá	98	Xuất sắc	Khá	1.430.000	5	7.150.000	HOSINH.K1
380	DTY2257203020003	Lê Thị Bích	23/09/2004	2,77	Khá	84	Tốt	Khá	1.430.000	5	7.150.000	HOSINH.K2
TỔNG											3.024.450.000	

Án định số sinh viên được hưởng học bổng khuyến khích học tập là 380 sinh viên.

Án định số tiền học bổng khuyến khích học tập 05 tháng là 3.024.450.000 đồng (Ba tỷ không trăm hai mươi tư triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phan Thị Kim Huệ

KT. TRƯỞNG PHÒNG CT HSSV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CT HSSV



Ths. Lê Thị Lựu



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Kiều Giang